

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HS-ST
Ngày 13/11/ 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tần

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74 /2018/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1958 tại xã C , huyện Thạch Thất, Thành phố H ; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Đỗ Thị C (chết); chồng Nguyễn S , sinh năm 1956; con: Có 03 con (lớn nhất đã chết, nhỏ nhất sinh năm 1986); Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án năm 1986 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án).Tạm giữ, tạm giam: Không. Có mặt.

*** Người bị hại:** Anh Vũ A, sinh năm 1982; có mặt;

Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố H.

***Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Kim Tr , sinh năm 1959; vắng mặt;
 2. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1963; vắng mặt;
 3. Bà Phạm Thị C , sinh năm 1987; vắng mặt;
 4. Bà Lê Thị Ng , sinh năm 1956; vắng mặt;
 5. Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1961; vắng mặt;
- Điều cư trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố H;
6. Anh Nguyễn Việt H , sinh năm 1986; vắng mặt;
- Nơi cư trú: Khu Đ , xã H , huyện T , thành phố H .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/4/2008 UBND tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đã ban hành Quyết định số 1023/QĐ về việc thu hồi 12688,2m² đất nông nghiệp tại khu vực xứ đồng Hồ Lò – Cây Gạch, xã Di Nậu, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội để triển khai dự án xây dựng trường THCS Di Nậu. Năm 2008 UBND xã Di Nậu đã tiến hành thu hồi đất của 41 hộ dân có ruộng tại khu vực trên, trong đó có hộ gia đình Nguyễn Thị T bị thu hồi khoảng 190m² đất ruộng được giao theo Nghị định 64 của Chính phủ. Theo chính sách đền bù áp dụng tại thời điểm đó thì hộ gia đình của Nguyễn Thị T được đền bù bằng tiền và bằng đất dịch vụ tương ứng với 10% diện tích đất bị thu hồi là 19m².

Ngày 13/6/2008, Nguyễn Thị T đã thỏa thuận và chuyển nhượng diện tích đất dịch vụ theo tiêu chuẩn được đền bù là 19m² cho ông Nguyễn Kim Trương với giá 15.280.000đ (Mười năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), khi nào được giao đất thì Nguyễn Thị T sẽ làm thủ tục bàn giao cho ông Tr . Hai bên đã lập 01 “Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất 10% dịch vụ” và Nguyễn Thị T đã nhận đủ số tiền trên do ông Trương thanh toán. Do cần tiền tiêu sài nên ngày 02/3/2017 Nguyễn Thị T đã nói với bà Lê Thị Nghĩa, sinh năm 1956 cùng ở thôn Thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố H là muốn bán 19m² đất dịch vụ, bà Nghĩa nói với con trai là anh Vũ A, sinh năm 1982 trú tại thôn Thôn Đ, xã D, huyện T, thành phố H. Sau đó anh Vũ A đã gặp Nguyễn Thị T và thỏa thuận mua bán tiêu chuẩn đất dịch vụ của gia đình T. Khi hai bên thỏa thuận, T nói với anh Vũ A là chưa bán diện tích đất này cho ai và khi nào nhà nước giao đất thì T sẽ bàn giao cho gia đình anh A. Nghe T nói vậy nên anh A đã đồng ý mua với giá 126.920.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và T đã viết cho anh A 01 “Giấy bán đất dịch vụ”. Đến khoảng tháng 8/2017 UBND huyện Thạch Thất tiến hành giao đất dịch vụ cho các hộ dân, thì anh A phát hiện diện tích đất dịch

vụ đó T đã bán cho ông Tr và ông Trương đã làm thủ tục nhận đất tại UBND xã. Sau khi phát hiện bị T lừa, anh A đến nhà T đòi lại số tiền đã giao cho T nhưng T không có tiền để trả lại cho anh A, do số tiền chiếm đoạt được T đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 07/11/2017 anh A đã viết đơn trình báo Cơ quan điều tra và yêu cầu Nguyễn Thị T phải trả số tiền theo giá trị đất tại thời điểm năm 2017 là $11.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 19\text{m}^2 = 209.000.000\text{đ}$ (Hai trăm linh chín triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ A yêu cầu bị cáo trả tổng số tiền là 209.000.000đ (Hai trăm linh chín triệu đồng). Ngày 15/8/2018 bị cáo đã nộp 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng) để trả lại cho anh Vũ A. Tại phiên tòa Nguyễn Thị T đã bồi thường tiếp cho anh Vũ A số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận giám định và các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKS –TT ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Nguyễn Thị T 30 -36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 54 -60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại.

Bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Năm 2008 gia đình Nguyễn Thị T bị nhà nước thu hồi đất nông nghiệp nên được đền bù tiền và 10% đất dịch vụ là 19m². Sau khi được tiêu chuẩn cấp đất 10% Nguyễn Thị T đã chuyển nhượng tiêu chuẩn đất này cho ông Nguyễn Kim Trương với giá 15.280.000đ. Đến ngày 02/3/2017 Nguyễn Thị T tiếp tục bán tiêu chuẩn đất 10% này cho anh Vũ A với giá 126.920.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và cam kết chưa bán tiêu chuẩn đất 10% này cho ai, khi nào được Nhà nước giao đất thì T trả đất cho anh A. Do tin tưởng T nên anh Vũ A đã đồng ý nhận chuyển nhượng 19m² đất tiêu chuẩn cấp đất 10% của gia đình T. Đến tháng 8/2017, UBND huyện làm thủ tục cấp đất 10% cho các hộ dân thì anh T phát hiện T đã chuyển nhượng cho ông Trương tiêu chuẩn đất 10% của gia đình T và ông Trương đã làm thủ tục nhận đất tại UBND xã Dị Nậu. Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của anh A là 126.920.000đ do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn áp dụng nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, về nhân thân năm 1986 bị cáo bị xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản (đã được đương nhiên xóa án).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bệnh tật, bị cáo hiện tuổi cao lại đang phải nuôi 3 cháu mồ côi, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[7] *Về trách nhiệm dân sự của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 209.000.000đ (hai trăm linh chín triệu đồng) nên ghi nhận.

Bị cáo đã nộp 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng) tại Chi cục thi hành án huyện Thạch Thất để bồi thường cho anh Vũ A, tại phiên tòa bị cáo bồi thường tiếp cho người bị hại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), nay bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 123.000.000đ (một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Tạm giữ số tiền 66.000.000đ bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất để đảm bảo thi hành án.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Không.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị T **30** (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thị T và anh Vũ A: Bị cáo Nguyễn Thị T có trách nhiệm bồi thường trả anh Vũ A số tiền 209.000.000đ (Hai trăm linh chín triệu đồng). Bị cáo đã nộp 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng) tại Chi cục thi hành án huyện Thạch Thất và tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường cho anh Vũ A số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Nay bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 123.000.000đ (một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Tạm giữ số tiền 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng) bị cáo Nguyễn Thị T nộp tại Chi cục thi hành án để đảm bảo việc thi hành án (theo biên lai thu số 0006141 ngày 15/8/2018).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự:

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.450.000đ (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND, THA huyện Thạch Thất;
- Bị cáo, người bị hại;
- UBND xã Dị Nậu, Thạch Thất;
- Lưu HS, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Thủy

